**PHỤ LỤC SỐ 3**

MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *………, ngày       tháng       năm* |

**BÁO CÁO**

**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI TỰ CHỦ TÀI CHÍNH VÀ DỰ TOÁN THU, CHI CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN……**

*(Dùng cho cơ quan quản lý cấp trên báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)*

**I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn trước**

1. Đánh giá chung: Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đánh giá cụ thể:

a) Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (chi tiết theo từng năm).

b) Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước của các đơn vị sự nghiệp như về mức thu các khoản phí, lệ phí thu; các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác; đơn giá nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng; tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị...

c) Về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc *(theo số liệu thực tế tại thời điểm báo cáo)*

Tổng số các đơn vị sự nghiệp: …… đơn vị, chia theo các lĩnh vực cụ thể (giáo dục và đào tạo, y tế, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa thể và du lịch, khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, các hoạt động kinh tế và khác)

Trong đó: Số lượng các đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ: …… đơn vị, chia theo từng lĩnh vực, gồm:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: …… đơn vị (chia theo từng lĩnh vực).

- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: …… đơn vị (chia theo từng lĩnh vực).

- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: …… đơn vị (chia theo từng lĩnh vực).

- Số đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: …… đơn vị (chi theo từng lĩnh vực).

d) Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (chi tiết theo từng năm)

- Nguồn thu, chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn thu, nội dung chi)

- Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích các quỹ).

- Về tình hình chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động: Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần lương: .... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 lần - 2 lần lương: .... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương: .... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương: .... đơn vị. Đơn vị có người thu nhập tăng thêm cao nhất là đồng/tháng (tên đơn vị). Đơn vị có người thu nhập tăng thêm thấp nhất là đồng/tháng (tên đơn vị).

đ) Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên.

e) Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

**II. Đề xuất phương án phân loại tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc giai đoạn tiếp theo**

1. Nguồn tài chính chi thường xuyên (chi tiết các nguồn).

2. Chi thường xuyên (chi tiết nội dung chi và theo nguồn tài chính).

3. Đề xuất phương án phân loại các đơn vị sự nghiệp:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công giao tự chủ tài chính giai đoạn tiếp theo: …… đơn vị (chi tiết theo từng lĩnh vực), gồm:

3.1. Lĩnh vực khoa học công nghệ

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: …… đơn vị.

- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: …… đơn vị.

- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: …… đơn vị.

- Số đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: …… đơn vị.

3.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo khoa học công nghệ: Chi tiết …… 4 nhóm.

3.3. Lĩnh vực y tế dân số: Chi tiết …… 4 nhóm.

3.4. Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Chi tiết …… 4 nhóm.

3.5. Lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch: Chi tiết …… 4 nhóm.

3.6. Lĩnh vực thông tin và truyền thông: Chi tiết …… 4 nhóm.

3.7. Lĩnh vực các hoạt động kinh tế: Chi tiết …… 4 nhóm.

*(Số liệu thu chi và phương án phân loại tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn …… theo biểu kèm theo phụ lục số 3)*

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** *(Ký tên)* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ, ĐỊA PHƯƠNG....** | **Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 3** |

**BIỂU TỔNG HỢP VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN ……………**

*(Áp dụng đối với các cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Tình hình tài chính của 05 năm trước liền kề, chi tiết theo từng năm (\*)** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nguồn thu** | | | | | | | **Chi thường xuyên giao tự chủ** | | | | | **Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)** | **Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp** | | |
| **Tổng cộng** | **Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công** | *Trong đó, thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ* | **Thu từ các nhiệm vụ KHCN** | **Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí** | **Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN***(Phần chênh lệch thu lớn hơn chi)* | **Thu khác…** | **Tổng cộng** | **Chi tiền lương, tiền công** | **Chi hoạt động chuyên môn** | **Chi quản lý** | **Chi TX khác** | **Tổng cộng** | **Từ chênh lệch thu chi TX** | **Từ trích khấu hao tài sản cố định** |
| 1 | 2 | 3=4+6+7+8+9 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10=11+12+13+14 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15=3/10x100% | 16=17+18 | 17 | 18 |
| **I** | **Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (\*\*)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(\*) Báo cáo theo số quyết toán và số ước thực hiện trong trường hợp chưa có sổ quyết toán*

*(\*\*) Đơn vị nhóm I báo cáo thêm về Tổng giá trị tài sản (nguyên giá, giá trị còn lại) và Mức trích khấu hao và giá trị hao mòn TSCĐ*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ, ĐỊA PHƯƠNG....** | **Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 3****(tiếp theo)** |

**BIỂU TỔNG HỢP VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN ……………**

*(Áp dụng đối với các cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Dự kiến trong năm đầu giai đoạn tiếp theo** | | | | | | | | | | | | | | **Đề xuất phương án phân loại tự chủ tài chính** |
| **Nguồn thu** | | | | | | | **Tổng chi thường xuyên** | | | | | **Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)** | **Dự kiến trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp** |
| **Tổng cộng** | **Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công** | ***Trong đó, thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ*** | **Thu từ các nhiệm vụ KHCN** | **Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí** | **Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN (Phần chênh lệch thu lớn hơn chi)** | **Thu khác…** | **Tổng cộng** | **Chi tiền lương, tiền công** | **Chi hoạt động chuyên môn** | **Chi quản lý** | **Chi thường xuyên khác** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (\*\*)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *(Chi tiết tên các đơn vị)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(ký tên)* | **Thủ trưởng đơn vị** *(ký tên, đóng dấu)* |